TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: **146 /**2020/HNGĐ-ST
Ngày 27.3.2020
V/v *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Nguyễn Hồng Bách**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Bà Hoàng Thị Hòa**
Ông Nguyễn Văn Đức
- *Thư kí phiên tòa* : **Ông Nguyễn Đăng Hùng** – Thư kí Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:* ***Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm*** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27.3.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử công khai vụ án thụ lí số 37/2019/TLST- HNGĐ ngày 6 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 9 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Vũ Văn Đ**, sinh năm 1959; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 35 Thị Trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố số 35, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội,

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 3.2.2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn Đ trình bày:

Ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện vào ngày 15.4.1989 và có đăng kí kết hôn tại Ủy Ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông Đ và bà H về chung sống tại Tổ 35, thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Cuối năm 2001 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà H không chung thủy năm 2001 có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng ông Đ không có chứng cứ cụ thể. Năm 2002 ông Đ có làm đơn li hôn với bà H, bà H đã kí đơn

nhưng ông không nộp ra Tòa án; cách giải quyết công việc và cách dậy dỗ con cái trái ngược nhau; Người không có trách nhiệm với gia đình: không có đóng góp tài chính khi tổ chức đám cưới co con gái; không giữ gìn nên nếp gia phong của gia đình như tự ý bỏ đồ lễ trên bàn thờ bác Hồ, Bác Giáp xuống cho người khác mà không được phép của ông Đ; trong giải quyết các công việc làm ăn làm thất thoát tài chính và uy tín của gia đình. Ông Đ nhận thấy Bà H là người phụ nữ yếu đuối, không có kiến thức, chậm chạp, thiếu suy nghĩ, làm việc thiếu tầm nhìn. Ông chỉ còn tình thương và không còn tình yêu. Sau khi mâu thuẫn này xẩy ra vợ chồng vẫn chung sống, ăn ngủ cùng nhau đến tháng 8/2019 không của cùng nhau nữa. Mâu thuẫn của ông bà từ năm 2001 đã được tổ dân phố có ý kiến. Vợ chồng ông bà chưa ra hòa giải tại UBND thị trấn Đ. Tuy nhiên tình trạng đời sống vợ chồng không cải thiện được. Ông Đ thấy đến nay vợ chồng không thể chung sống được nên làm đơn xin li hôn với bà H.

Về con chung vợ chồng: ông Đ và bà H có 2 con chung là: Chị Vũ Thanh Q, sinh năm 1990 và anh Vũ Đức H sinh năm 1996. Hiện các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung vợ chồng : không có

-Bị đơn bà Nguyễn Thị H khai:

Ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện vào ngày 15.4.1989 và có đăng kí kết hôn tại Ủy Ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông Đ và bà H về chung sống cùng mẹ chồng tại Tổ 35, thị trấn Đ Đ Thành phố Hà Nội. Năm 2019 ông Đ đột nhiên làm đơn xin li hôn với bà vì lí do cách đây 17 năm 3 bố con đi thăm quan ở đền Ngọc Sơn, Hà Nội có người nói với ông Đ là 1 sẽ có người rút ruột của chồng bà, ông Đ phải hi sinh 1 điều gì đó trong gia đình thì mới làm ăn thịnh vượng được bởi vậy ông Đ mới làm đơn li hôn. Bà H thấy trong cuộc sống gia đình nhiều khi cũng có những quan điểm không đồng thuận về cách giải quyết công việc nhưng đó chỉ là cái nhỏ, sau đó vợ chồng lại bình thường với nhau. Bà không có quan hệ ngoại tình như ông Đ nói mà đó chỉ là các quan hệ với người làm cùng công ty. Về tài chính bà thừa nhận ông Đ là người lo chính bà chỉ có tiền lương. Về lí do ngủ riêng: bà H trình bầy từ năm 2001 đến nay vợ chồng vẫn ăn chung, ngủ cùng nhau. Do ông Đ ngủ ngáy to, ho nên bà phải ra ngủ riêng từ năm 2019.

Bà thấy cuộc sống vợ chồng bình thường không có gì mâu thuẫn. Bà vẫn giữu trọn bổn phận của người vợ. Tuy nhiên bà không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Nay ông Đ có đơn xin li hôn Bà H không đồng ý.

Về con chung: ông bà có 2 con chung là: Chị Vũ Thanh Q, sinh năm 1990 và anh Vũ Đức H sinh năm 1996. Hiện các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ : không có

Tại phiên tòa: trong phần hỏi tại phiên tòa ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thống nhất thuận tình li hôn; không yêu cầu giải quyết về con chung của vợ chồng; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Về công nợ chung vợ chồng không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh:

Qua công tác kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi xét xử:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng người tham gia tố tụng.

Thời hạn thụ lí vụ án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tựtại phiên tòa.

Về phía đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân:

Ông Đ và Bà H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng kí kết hôn nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Tại phiên tòa bà H đồng ý với yêu cầu xin li hôn của ông Đ. Bà H không yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung vợ chồng; không yêu cầu giải quyết về nuôi con sau li hôn. Ông Đ thống nhất với bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nuôi con sau li hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình li hôn của các đương sự

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin li hôn của ông Vũ Văn Đ với bà Nguyễn Thị H. Ghi nhận sự thuận tình li hôn của ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Công nợ chung không có nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Vụ án thuộc trường hợp không có giá ngạch. Tuy nhiên Khi thụ lí vụ án Ông Vũ Văn Đ đã 61 tuổi nên thuộc trường hợp miên án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp án phí cho ông Vũ Văn Đ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 3.2.2020 ông Vũ Văn Đ đã có đơn khởi kiện xin li hôn với bà Nguyễn Thị H và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Bị đơn hiện cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thụ lí đơn và thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền về lãnh thổ.

Ông Đ chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bà H cũng chỉ yêu cầu giải quyết về tình cảm không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tòa án xác định vụ án có nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự đến để ghi lời khai và triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Ông Đ và bà H kết hôn tự nguyện, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ ngày 15.4.1989 nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Tại phần hỏi của phiên tòa, bà H và ông Đ đồng ý li hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Bà H đồng ý li hôn với ông Đ là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, nội dung thống nhất li hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và con chung là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội cần công nhận sự thỏa thuận đó.

Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình li hôn của ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: ông Đ được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 27, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin li hôn của ông Vũ Văn Đ.

Tuyên xử:

Công nhận sự thuận tình li hôn của ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: ông Đ và Bà H có hai con chung là:

Chị Vũ Thanh Q, sinh năm 1990 và anh Vũ Đức H sinh năm 1996. Hiện đều đã trưởng thành. Không phải xem xét giải quyết về việc giao con chung sau li hôn.

Về tài sản chung vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Đ, Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Anh (để ghi vào sổ đăng kí kết hôn số 57 quyển 01);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách